

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG SÔNG HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 19 /NQ -HDND

Sông Hiến, ngày 29 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà Nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG SÔNG HIẾN KHOÁ X- KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/ 2015 /QH13 ngày 25 /6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022 cho các đơn vị phòng ban, đoàn thể và UBND các xã phường Thành phố Cao Bằng;

Xét Tờ trình số 80 /TTr- UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân phường Sông Hiến về việc đề nghị quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- xã hội Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn phường Sông Hiến như sau:

1 - Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 8.127.000.000, đồng.

Trong đó:

- Thu nội địa: 8.127.000.000 đồng;

2 - Dự toán chi ngân sách địa phương : 5.093.443.000, đồng

Trong đó:

- Chi đầu tư: 500.000.000 đồng;

- Chi thường xuyên: 4.503.375.000 đồng;
- Chi dự phòng: 90.068.000 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân phường giao Ủy ban nhân dân phường triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân phường theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Sông Hiến khoá X, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND TP;
- TT Đảng uỷ, HĐND, UBND, MTTQ phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể phường;
- Lưu: VP, KT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**



Đinh Gia Cảnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị Quyết số: 19/NQ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND phường Sông Hiến)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021 (hiện hành)	Ước thực hiện năm 2021 (hiện hành)	Dự toán năm 2022	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	7.448.000	9.148.890	8.127.000	-1.021.890	88,83%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	6.948.000	6.948.000	8.127.000	1.179.000	116,97%
-	Thu NSDP hưởng 100%				0	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	6.948.000	6.948.000	8.127.000	1.179.000	116,97%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	500.000	1.139.623	0	-1.139.623	0,00%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				0	#DIV/0!
2	Thu bổ sung có mục tiêu	500.000	1.139.623		-1.139.623	0,00%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				0	
IV	Thu kết dư				0	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.061.267		-1.061.267	
B	TỔNG CHI NSDP	5.727.574	5.727.574	5.173.443	-554.131	90,33%
I	Tổng chi cân đối NSDP	5.727.574	5.727.574	5.173.443	-554.131	90,33%
1	Chi đầu tư phát triển (1)	500.000	500.000	580.000	80.000	116,00%
2	Chi thường xuyên	5.148.000	5.148.000	4.503.375	-644.625	87,48%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				0	
5	Dự phòng ngân sách	79.574	79.574	90.068	10.494	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	0	0	0	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND phường Sông Hiến)

Đơn vị: Ngàn đồng

ST T	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	6.948.000	5.148.000	8.127.000	1.983.600	116,97%	38,53%
I	Thu nội địa	6.948.000	5.148.000	8.127.000	1.983.600	116,97%	38,53%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	3.919.114	2.130.933	4.546.000	706.600	116,00%	33,16%
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	3.596.180	1.872.420	4.266.000	426.600	118,63%	22,78%
	<i>Thuế TNDN</i>						
	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	322.934	258.513	280.000	280.000		100,00%
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.580.535	1.580.535	1.850.000	370.000	117,05%	23,41%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	992.380	992.380	1.030.000	206.000	103,79%	20,76%
8	Thu phí, lệ phí	186.118	186.118	441.000	441.000	236,95%	236,95%
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	138.000	138.000	130.000	130.000	94,20%	94,20%
15	Thuế tài nguyên	411.933	411.933		0	0,00%	0,00%
16	Thu khác ngân sách	131.853	120.034	130.000	130.000	98,59%	108,30%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị Quyết số: 19/NQ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND phường Sông Hiến)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	5.727.574	5.093.443	-634.131	88,93%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	5.727.574	5.093.443	-634.131	88,93%
I	Chi đầu tư phát triển (1)	500.000	500.000	0	100,00%
1	Chi đầu tư cho các dự án				
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	500.000	500.000	0	100,00%
II	Chi thường xuyên	5.148.000	4.503.375	-644.625	87,48%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
2	Chi khoa học và công nghệ (2)				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	79.574	90.068	10.494	113,19%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0			
	Đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo bền vững				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				